

**T**rong thực tiễn nước ta, quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp, trong đó có quyền tự chủ tài chính đã được xác định rõ trong các văn bản chính thức của Đảng và nhà nước; nhưng theo tôi, vẫn còn khoảng chênh lệch khá xa giữa lời nói và việc làm. Chủ đề này vẫn đang là cuộc đấu tranh dai dẳng nhiều năm nay giữa doanh nghiệp với nhiều ngành cấp trên... muốn duy trì quyền can thiệp quá sâu vào hoạt động kinh doanh của cơ sở, kéo dài cơ chế "xin-cho" của thời bao cấp, đôi khi có những biểu hiện ngày càng tinh vi của nạn "những nhiều" và "tham ô, tập thể", đồng thời với những xu hướng lạm thu, tăng thu thiếu thận trọng, thiếu nghiên cứu, gây dư luận không tốt trong nhân dân, đến mức Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã lên tiếng trong lời

luôn biến động đến mức khó có thể xây dựng được một kế hoạch kinh doanh ổn định hàng năm, không nói gì đến chiến lược phát triển lâu dài của họ.

Dưới đây, xin đề cập những nghịch lý, mâu thuẫn đó:

a. Nền kinh tế nói chung, và doanh nghiệp nói riêng đang thiếu vốn trầm trọng, Chính phủ cố gắng cải thiện môi trường đầu tư nước ngoài và khuyến khích đầu tư trong nước, lại còn vay vốn để phát triển, nhưng cả hệ thống ngân hàng thì đang loay hoay khổ sở vì thừa vốn. Từ đầu năm đến cuối tháng chín, đầu vào - tức tiền gửi - tăng 16%, còn đầu ra (cho vay) chỉ tăng có 8%, mặc dù đã phải giảm lãi suất 4 lần trong các tháng qua. Có người tự hào và tỏ ra lạc quan cho rằng đó là một biểu hiện của lòng tin của nhân dân đối với hệ



Ảnh Trần Văn

# QUYỀN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP TRONG CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH QUỐC GIA 2001-2010

PGS. TRẦN ĐÌNH BÚT

khai mạc Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tám vừa qua. Đó là lý do tôi xác định nội dung bài viết này.

Phạm vi quyền tự chủ tài chính doanh nghiệp có liên quan đến nhiều lĩnh vực quản lý của nhà nước,... nhưng để giải quyết cuộc tranh chấp dai dẳng vừa nêu, xin phép giới hạn nội dung tham này trong ba đề mục sau:

1. Một thực tiễn đầy nghịch lý và mâu thuẫn của lĩnh vực tài chính-tiền tệ

Trong cơ chế thị trường có định hướng của nước ta, động thái của mọi cơ sở sản xuất và dịch vụ đều chịu tác động trực tiếp của các chính sách tài chính tiền tệ của cấp trên. Tác động dây chuyền của các nghịch lý, các mâu thuẫn và sự yếu kém trong cơ chế tài chính-tiền tệ nước ta đang kìm hãm cơ sở trong thể thiếu vốn triền miên, và bị động đối phó với nhiều chính sách thuế, tín dụng luôn

thống ngân hàng! Nhưng có ý kiến khác không hoàn toàn nhất trí, cho rằng tình hình trên chỉ phản ánh sự trì trệ và tình nghèo nàn của các hình thức huy động vốn trên thị trường tài chính-tiền tệ của nước ta. Mọi người, kể cả doanh nghiệp, chẳng biết đầu tư vào đâu, chẳng lẽ ngồi yên ôm tiền chịu đựng mất giá do lạm phát, nên đành gửi vào ngân hàng kiếm chút ít lãi suất, được đồng nào hay đồng ấy! Một hiện tượng trở trêu nữa là người dân, những ngày gần đây, có muốn gửi dài hạn 9 tháng, hay một năm thì nhiều ngân hàng cũng lịch sự từ chối.

b. Đất nước thiếu ngoại tệ, còn cần vay ODA, hoặc vay tín dụng với lãi suất khá cao của ngân hàng nước ngoài, nhưng ngân hàng dư thừa ngoại tệ. Do nhập khẩu giảm mạnh, nhu cầu ngoại tệ cần để nhập hàng cũng giảm. Ngân hàng thương mại T.P. Hồ Chí Minh đầu đầu vì dư thừa ngoại tệ, đã phải bán cho ngân hàng

trung ương 300 triệu USD (Saigon Time Daily, ngày 22.9.99) và một số ngân hàng phải gửi tiền ra nước ngoài để kiếm lãi, dù thấp nhưng còn hơn để ứ đọng vốn! Quả thật là một giải pháp "thông minh", nhưng cũng đáng đặt ra câu hỏi: Phải chăng đó là điều đáng mong đợi?

c. Trong việc điều hành ngân sách nhà nước, chính phủ cần chỉ, muốn chi để "kích cầu", đã phải xin Quốc hội cho phép nâng mức bội chi năm 1999 lên 5% GDP (mức giới hạn tối đa cho phép, theo thông lệ quốc tế), nhưng đến đầu tháng 9 vừa qua, mức bội chi còn khá thấp (chỉ khoảng 2, 3%). Rõ ràng là "được chi" mà "không chi được" có tiền mà không biết chi vào đâu! Kích cầu, một chủ trương nước sôi lửa bỏng và đúng đắn để khắc phục trì trệ, suy thoái, thiếu phát, xem chừng cũng rơi vào "trì trệ" như nhiều chủ trương khác. Quả thực nói thì dễ, nhưng làm thì khó, và có muốn làm, quyết tâm làm hay không thì lại càng khó hơn nữa! Hiện tượng đó nói lên những gì về bộ máy quản lý, có thể có nhiều lời bình, nhưng chắc hẳn đều không bằng lòng với những "trì trệ" đó.

d. Trong mối quan hệ giữa tài chính doanh nghiệp và tài chính nhà nước, thì doanh nghiệp thường xuyên oán trách ngành tài chính về mức thuế huy động cao, còn ngành tài chính thì cũng thường xuyên bị quở trách về mức thực hiện thấp, do đó không đáp ứng nhu cầu chi của các ngành. Những oán trách, hoặc quở trách, đồng thời có thể coi là những mâu thuẫn kinh niên trong ngành tài chính được mô tả trong cái vòng luẩn quẩn chưa có lối ra như sau:

Mức huy động cao → Tích tụ vốn của doanh nghiệp thấp hoặc không có → doanh nghiệp thiếu vốn → Công

nghệ lạc hậu → Giá thành cao → Tồn kho nhiều → Khả năng đóng thuế thấp → mức thu ngân sách thấp.

Như vậy là dù ngân sách muốn huy động cao để thỏa mãn nhu cầu chi của các ngành, thì câu trả lời thực tế thường ngược lại.

e. Trong quan hệ giữa doanh nghiệp với hệ thống tín dụng ngân hàng, cũng những mâu thuẫn và vòng luẩn quẩn tương tự:

Ngân hàng xác định lãi suất cao → giá thành sản phẩm doanh nghiệp cao → khả năng cạnh tranh kém → tồn kho nhiều → nợ quá hạn, khó thanh toán nhiều → Chi phí quản lý của ngân hàng cao → lãi suất cao.

Trong điều kiện lãi suất vay bằng nội tệ cao mà vay bằng ngoại tệ ở ngân hàng nước ngoài thấp hơn, có lúc chỉ bằng nửa, một số doanh nghiệp đã chuyển sang vay tín dụng của ngân hàng nước ngoài, khiến thị phần của ngân hàng trong nước bị thu hẹp, và Nhà nước khó kiểm soát được mức lệ thuộc ngoại tệ ở phạm vi toàn bộ nền kinh tế.

Hệ quả của mối quan hệ giữa doanh nghiệp với hệ thống tài chính - tiền tệ, đầy mâu thuẫn luẩn quẩn và nghịch lý nêu trên là cái vòng luẩn quẩn đang vây hãm doanh nghiệp:

Thiếu vốn → công nghệ lạc hậu → giá thành cao, phẩm chất xấu, → tồn kho nhiều → thị phần thu hẹp → trở về nguyên trạng thiếu vốn, thậm chí thiếu nghiêm trọng hơn.

Rõ ràng thiếu vốn đang là một bệnh trầm kha, kéo theo một vòng luẩn quẩn chưa có lối thoát, xét ở góc độ từng doanh nghiệp.

Có thể có một số doanh nghiệp nào đó không rơi vào tình cảnh thiếu vốn như trên do những điều kiện đặc thù nào đó, nhưng một khi hoạt động trong môi trường những nghịch lý và vòng luẩn quẩn nói trên thì sớm muộn cũng không thoát khỏi.

Thực trạng thiếu vốn của toàn bộ nền kinh tế, cũng như của từng doanh nghiệp lại càng nghiêm trọng hơn thời gian gần đây do hậu quả của thiếu phát, sức mua xã hội giảm sút, lượng tồn kho gia tăng, vòng quay vốn ngưng đọng, kéo theo là đầu tư nước ngoài giảm sút nhanh chóng, cho nên khắc phục giảm phát đang trở thành nhiệm vụ trọng tâm đột xuất mà ngành tài chính cần tập trung trí tuệ. Song kinh nghiệm đã cho biết nếu khắc phục lạm phát đã khó thì khắc phục thiếu phát còn khó khăn, gian khổ hơn nhiều vì nó đòi hỏi một loạt nhận thức mới, tư duy kinh tế mới, kèm theo là một hệ thống giải pháp đồng bộ, thích hợp với những điều kiện mới về kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế sẽ được đề cập trong các phần sau.

2. Thử tìm nguyên nhân cơ bản nhất và

những tư tưởng chỉ đạo trong tình hình mới.

Có rất nhiều nguyên nhân của tình hình trên, đến mức có thể khẳng định mọi ngành hoạt động, mọi cá nhân đều có phần trách nhiệm của mình. Ở đây, chỉ xin phép nói đến nguyên nhân chủ yếu và giới hạn ở phạm vi nguyên nhân tư tưởng, nhận thức; vì như bài học đổi mới của ta hơn mười năm qua đã khẳng định: mọi hành động đổi mới đều phải bắt đầu từ đổi mới tư duy.

Vậy để đổi mới mối quan hệ tài chính doanh nghiệp và chiến lược tài chính quốc gia, cần bắt đầu từ những tư duy nào?

a. Theo tôi cần phải bắt đầu từ chỗ xác định rõ hơn vai trò của Nhà nước đối với doanh nghiệp. Cần gạt bỏ quan niệm trước đây về vị trí của nhà nước là cấp trên, có quyền ra lệnh, ban phát vật tư, tín dụng, quota xuất nhập và cấp giấy phép, (mà không chịu trách nhiệm về các mệnh lệnh sai trái của mình). Còn doanh nghiệp chỉ là người đi trình bẩm, van xin các của quan mà thường thì chìm ngập trong bể sâu những thủ tục hành chính rối mù, khó hiểu. Trong mối quan hệ này phải xây dựng cho được bước đột phá thực chất: Nhà nước là người bạn, người trợ thủ, người phục vụ (xem bài phát biểu của Thủ tướng Phan Văn Khải trước các nhà doanh nghiệp, xuân 1999 tại T.P. HCM), hoặc như ở Anh, Canada, người ta nói nhà nước là người tạo mọi dễ dàng cho doanh nghiệp. Còn doanh nghiệp là "khách hàng", "doanh nhân là ân nhân" đóng thuế nuôi dưỡng bộ máy nhà nước. Từ quan niệm đó mà xác định những nguyên tắc quản lý mới: doanh nghiệp có quyền kinh doanh những ngành nghề mà luật pháp không cấm. Người kinh doanh lập nghiệp chỉ cần đăng ký, thông báo cho cơ quan thuế biết để tự nhận trách nhiệm nộp thuế kinh doanh, không cần "xin phép" và "cho phép".

b. Xác định cụ thể hơn, rõ ràng hơn vai trò tự chủ tài chính của doanh nghiệp. Cần gạt bỏ mọi ý định can thiệp sâu vào cách hạch toán của doanh nghiệp, như khống chế mức khấu hao, không cho phép khấu hao nhanh, sợ ảnh hưởng đến lợi nhuận, từ đó ảnh hưởng đến nguồn thuế phải nộp cho ngân sách, hay khống chế mức lương của giám đốc theo mức lương cấp bậc hành chính, khống chế lương chuyên viên không vượt quá lương giám đốc, v.v. Như vậy là định dùng quyền lực hành chính để kiểm tra, chi phối doanh nghiệp thay thế cho các quy luật của cơ chế thị trường. Kinh nghiệm thực tiễn đã chứng minh: mọi ý đồ kiểm soát, thanh tra, kiểm tra hành chính đều bị bề ghi,

doanh nghiệp dù độ nhạy cảm và khôn ngoan để "vượt qua" nhiều cơ quan quyền lực mọi cấp. Chỉ khi nào dựa vào quy luật thị trường, ví dụ nếu doanh nghiệp quy định khấu hao quá nhanh, trả lương quá cao thì giá thành đội giá thị trường, thị trường không chấp nhận - mà đó là quy luật thép - thì mới có sự kiểm soát khách quan và có hiệu lực nhất. Trong cơ chế thị trường, mọi quy định hành chính ngặt nghèo như trên chỉ có hệ quả là trói chân trói tay giám đốc khi họ phải bươn chải cạnh tranh.

c. Từ bỏ quan niệm "tận thu" kiểu thuế xe ô-m, thuế đại lý xổ số, hoặc thuế suất VAT cao đến mức nhiều người dẹp tiệm, đến mức vừa ban hành đã có hàng trăm văn bản bổ sung và sắp tới phải sửa luật. Trên cơ sở đó, xác lập một chiến lược tài chính mới theo tư duy mới là "thực sự khoan sức dân và nuôi dưỡng nguồn thu", khuyến khích tích tụ, coi đó là điều kiện tiền đề để đổi mới công nghệ của từng doanh nghiệp, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh trước làn sóng cạnh tranh quyết liệt đến mức sống còn và tàn bạo của hội nhập.

Cản trở lại với nguyên lý mà Marx đã phát hiện về tích tụ và tập trung nguồn vốn: Tích tụ trước - tập trung sau; mà tư duy chiến lược lâu dài là khởi đầu, khi các doanh nghiệp còn nhỏ bé, tập trung ít để tích tụ nhanh, mà tích tụ nhanh lại mở đường cho tập trung lớn hơn, nhiều hơn sau này. Khoan sức dân sẽ có tác dụng kích thích kinh doanh, công ty mẹ đẻ ra công ty con, công ty cháu, mỗi con cháu đóng góp chút ít thôi, nhưng con đàn cháu đống thì ông già ngồi đó tha hồ thu. Đó là kinh nghiệm dân gian: "nhẹ tay thu nhiều", cần được cân nhắc.

d. Doanh nghiệp cũng như ngân sách nhà nước cần mạnh tay đầu tư cho con người - lực lượng sản xuất cơ bản nhất. Người xưa đã có kinh nghiệm: "Muốn đi xa, phải chăm sóc tốt con ngựa". Ngày nay, trong cơ chế thị trường, người ta thường nói "có chi mới có thu" hoặc "phải biết bắt tiền đẻ ra tiền". Chỉ cho con người mức lương đủ sống và nuôi gia đình theo yêu cầu ngày càng đa dạng của cuộc sống và đầu tư để bồi dưỡng trình độ của đội ngũ theo yêu cầu của tiến bộ khoa học và công nghệ là phương hướng đầu tư khôn ngoan nhất. Trong nhiều cuộc tọa đàm với doanh nghiệp tư nhân, nhiều giám đốc bày tỏ mối lo lắng lớn của họ là do khống chế mức chi tiền lương nên nhiều cán bộ, công nhân của họ tồn công đào tạo đã từ già họ đi đến nơi có đồng lương cao hơn; còn nhiều doanh nghiệp nhà nước thì cũng đau đầu về nạn chảy máu chất xám. Kinh

nghiệm nhiều nước cũng đã khẳng định mức lương thỏa đáng là biện pháp hữu hiệu nhất để ngăn ngừa nạn tham nhũng và hối lộ trong đội ngũ cán bộ có chức có quyền. Một mức lương chiều hướng đi lên cũng là điều kiện để thu hút đội ngũ trí thức đông đảo trong Việt kiều về nước phục vụ. Muốn công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhanh, cần vun đắp vốn con người ngay từ khi còn trong lòng mẹ. Sửa đổi, hay nói đúng hơn là cải cách chế độ tiền lương theo tinh thần nêu trên đã thành yêu cầu cấp bách. Cái khó của chúng ta là khi nói đến cải cách chế độ tiền lương, thì thường được nghe câu hỏi "tiền đâu"? Hy vọng ngành tài chính có phương án tích cực nhất điều chỉnh các khoản chi ngân sách, coi cải cách chế độ tiền lương là ưu tiên số một trong điều kiện hiện nay của ta. Từ sau đợt điều chỉnh lương năm 1995, đến nay, chỉ số giá cả, do lạm phát đã tăng trên 32%, nhưng tiền lương vẫn cố định, nhà nước đã không thực hiện được lời hứa điều chỉnh hàng năm theo đà trượt giá, có lẽ Bộ Tài chính không thể thoái thác trách nhiệm chính của mình. Cũng cần coi trọng kinh nghiệm chống thiếu hụt ở nhiều nước, coi tăng lương là giải pháp nhanh nhất, trực tiếp nhất đối với kích cầu: hôm nay tăng lương, thì ngày mai thị trường, dịch vụ sẽ nhộn nhịp ngay lên, mọi cơ sở đều có thêm thu nhập, kể cả nông dân, nhà nước lại có dịp thu thêm thuế, bù đắp vào số tiền chi ra để tăng lương.

e. Xây dựng triết lý quản lý mới: nhà nước tin doanh nghiệp. Chấm dứt tập quán thành lập các đoàn kiểm tra (trong đó có đoàn kiểm tra tài chính) từ mọi cấp, mọi ngành, nhân danh cấp trên về kiểm tra doanh nghiệp, trong dịp cuối năm (mà nhiều Tổng Giám đốc, giám đốc doanh nghiệp đã tâm sự là "có thể mua được hết", không biết có hoàn toàn đúng không, nhưng chắc hẳn không hết thì cũng có phần nào đó!). Thay vào đó là một cơ chế về tự đánh giá và kiểm tra về tài chính của doanh nghiệp, chỉ khi nào cấp trên thấy doanh nghiệp có vấn đề, mà báo cáo của doanh nghiệp chưa thuyết minh rõ, xét cần đi sâu kiểm tra, thì có chương trình kiểm tra nói rõ mục tiêu, phạm vi, thời hạn, cơ cấu đoàn kiểm tra ở mức tối thiểu cần thiết... để rút gọn càng nhanh càng phức cho doanh nghiệp vì thời gian còn quý hơn vàng bạc. Những tiêu thức nào để doanh nghiệp tự đánh giá và kiểm tra hiệu quả kinh doanh của mình? Không nên cầu toàn, nên chăng có các tiêu thức sau: (1) Hiệu quả kinh doanh, thể hiện ở chỉ tiêu lợi nhuận trên một đồng vốn (có phân biệt khác nhau, tùy mức lợi nhuận bình quân

của ngành khác nhau), (2) Trình độ đổi mới công nghệ so với năm trước, hoặc thời hạn 3, 5 năm trước, (3) Hiệu quả về nâng cao mức sống, và nâng cao kiến thức, tay nghề của đội ngũ; (có thể thêm một vài tiêu thức về bảo vệ môi trường, tài nguyên, ở những doanh nghiệp nhạy cảm với các vấn đề đó), nhưng ba tiêu thức trên có thể tạm đủ, chỉ tiêu bảo toàn vốn không còn ý nghĩa khi đã có các chỉ tiêu trên.

### 3. Suy nghĩ về một hệ thống giải pháp đồng bộ

Để khắc phục những nghịch lý, yếu kém trong các chính sách tài chính-tiền tệ, đồng thời vượt qua được khó khăn do thiếu hụt gây ra như đã nêu, cần một hệ thống giải pháp đồng bộ: từ nhận thức tư tưởng; hoàn chỉnh hệ thống luật pháp; kiện toàn bộ máy cho tinh gọn, năng động trong sạch, đi đôi với tuyển chọn, đào tạo lại đội ngũ v.v.. như đã nêu trong các nghị quyết gần đây của Đảng và nhà nước. Dưới đây chỉ xin đề cập những giải pháp cơ bản thuộc chiến lược tài chính tiền tệ, có liên quan mật thiết với nhau, nhằm tăng cường sức mạnh vươn lên của doanh nghiệp, và từ đó tác động ngược trở lại tăng cường sức mạnh tài chính của đất nước.

a. Xác định lại chiến lược tài chính quốc gia, theo tư duy chỉ đạo mới

- Giảm tỷ lệ động viên GDP vào ngân sách nhà nước, từ 20% hiện nay xuống khoảng trên dưới 15%, theo kinh nghiệm nhiều nước đang phát triển (Trung Quốc đã giảm xuống 13%, Thái Lan cũng tương tự). Có người lo lắng sợ giảm như vậy sẽ giảm nguồn thu của ngân sách. Không hẳn như vậy, vì một khi mức động viên hợp lý, sẽ kích thích nhiệt tình đầu tư kinh doanh của người có vốn, do đó nguồn thu ngân sách sẽ dồi dào thêm.

- Khoan sức dân, nuôi dưỡng nguồn thu, tạo điều kiện để mọi doanh nghiệp tích tụ nguồn vốn, từ đó kích thích kinh doanh.

- Trước mắt cần sửa lại Luật thuế VAT theo yêu cầu: giảm nhẹ thuế suất, đơn giản hoá thủ tục.

- Miễn thuế sử dụng đất đối với nông nghiệp vì lượng thu danh nghĩa trên phạm vi toàn quốc không đáng bao nhiêu (khoảng 1.700 tỷ đồng) nếu trừ đi chi phí hành thu, thì thu thực tế còn lại rất ít, mà ý nghĩa chính trị, xã hội của việc miễn thuế này rất lớn.

- Ngăn ngừa xu hướng "tận thu" gây dư luận xấu.

b. Tập trung mọi nỗ lực khắc phục thiếu hụt, bằng các biện pháp:

- Chủ động phát hành thêm tiền đưa vào lưu thông theo yêu cầu của tăng trưởng kinh tế, không máy móc

kim hãm lạm phát dưới 10%,

- Kích cầu bằng biện pháp trực tiếp nhất, hiệu lực nhanh nhất là tăng lương. Có nên chỉ bù 20%, từ 1.1.2000 như đã dự kiến không? Nếu vậy, sẽ đẩy lùi phần nợ 12%, cộng thêm mức lạm phát năm 1999 và 2000, thì năm 2001 khó khăn vẫn còn đó và triển vọng cải cách mạnh chế độ tiền lương xem chừng còn mờ mịt.

c. Lành mạnh hóa nền tài chính quốc gia, giảm nhẹ mức phụ thuộc nước ngoài, kiểm tra chặt chẽ các khoản vay của mọi thành phần kinh tế trong quan hệ tín dụng ngoại tệ mạnh.

Hiện nay, mức nợ nước ngoài đã xấp xỉ 50% GDP, mức giới hạn tối đa có thể chấp nhận được theo thông lệ quốc tế. Năm nay, nước ta đã phải dành 7% GDP để trả nợ và lãi, mà chủ yếu là lãi. Đây là một tỷ lệ không nhỏ, đã hơn một phần ba nguồn thu ngân sách (khoảng 20% GDP), không khéo thì rồi đây toàn bộ lợi nhuận xuất khẩu không đủ để trả lãi, không nói gì đến việc giảm bớt nợ, mà nợ thì cứ tích lũy ngày càng nhiều hơn, để lại gánh nặng cho thế hệ sau.

Biện pháp chủ yếu để giảm nhẹ mức phụ thuộc nước ngoài là đẩy mạnh chiến lược xuất khẩu, trong đó có các chính sách tài chính tiền tệ cơ bản sau:

- Chính sách tỷ giá linh hoạt, bảo đảm USD gắn với giá trị thực tế của đồng nội tệ,

- Chính sách miễn giảm thuế xuất khẩu đối với những nhóm hàng chủ lực cần tìm kiếm thị trường mới,

- Chính sách trợ giá trực tiếp đối với người làm xuất khẩu.

### 4. Thay lời kết

Mọi hoạt động tài chính tiền tệ chỉ có thể phát triển lành mạnh, và có đà phát triển ngày càng vững vàng hơn, dựa trên cơ sở lòng tin. Trong quan hệ tài chính doanh nghiệp và tài chính quốc gia cũng vậy. Lòng tin cần được xây dựng từ cả hai phía: nhà nước tin ở doanh nghiệp và người dân; và ngược lại doanh nghiệp và người dân tin ở nhà nước, có như vậy chúng ta mới khai thác được nguồn vốn rất hùng hậu trong nhân dân ta. Một nhà quản lý người Đức đã đúc kết kinh nghiệm, đưa ra định nghĩa thế nào là nguồn vốn, dưới dạng công thức:

Nguồn vốn = Nguồn tiền + Lòng tin

Điều này rất đáng được suy nghĩ. Phải chăng lòng tin đó còn cần xây dựng từ cả hai phía ở nước ta? ■

Phát biểu trong Hội thảo tài chính doanh nghiệp trong định hướng chiến lược tài chính quốc gia do Phân viện Nghiên cứu Tài chính TP.HCM tổ chức ngày 12.11.1999